

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của học sinh trường THPT Trung Văn, phường Đại Mỗ, Hà Nội năm 2024

Nguyễn Thị Phương Hoa^{1*}, Tô Thị Liên¹, Phạm Việt Cường², Hoàng Thế Kỳ³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định một số yếu tố liên quan đến kiến thức và nhu cầu về sơ cấp cứu ban đầu của học sinh Trung học phổ thông (THPT).

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 539 học sinh trường THPT Trung Văn, Hà Nội.

Kết quả: Tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt chung về sơ cấp cứu ban đầu là 28,4% và tỷ lệ học sinh mong muốn tham gia các lớp học về sơ cấp cứu ban đầu là 66,4%. Kết quả sau khi hiệu chỉnh mô hình hồi quy Logistic đa biến cho thấy, những người đã từng nghe nói về sơ cấp cứu có khả năng có kiến thức đạt cao hơn so với những người chưa từng nghe nói về sơ cấp cứu (OR = 3,0; KTC 95%: 1,9 – 4,8). Nữ học sinh có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu cao hơn so với nam học sinh (OR = 2,6; KTC 95%: 1,7 – 3,8). Học sinh giỏi có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu cao hơn so với học sinh chưa giỏi (OR = 1,8; KTC 95%: 1,2 – 2,8). Tương tự như vậy, học sinh có thái độ tích cực có nhu cầu đào tạo cao hơn so với học sinh có thái độ chưa tích cực (OR = 2,1; KTC 95% CI: 1,4 – 3,2).

Kết luận: Kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu của học sinh THPT còn hạn chế (28,4%). Nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu của họ khá cao (66,4%). Những yếu tố liên quan đến kiến thức và nhu cầu đào tạo cho thấy: học sinh đã từng nghe về sơ cấp cứu có khả năng đạt kiến thức cao hơn; nữ sinh, học sinh giỏi và học sinh có thái độ tích cực đều có nhu cầu tham gia đào tạo cao hơn. Khuyến nghị: Cần triển khai các buổi đào tạo sơ cấp cứu phù hợp cho học sinh THPT, ưu tiên nhóm học sinh nam, học lực trung bình và thái độ chưa tích cực. Các nghiên cứu tiếp theo nên đánh giá kỹ năng thực hành và mở rộng khảo sát tại vùng nông thôn và miền núi.

Từ khóa: Sơ cấp cứu ban đầu, kiến thức, nhu cầu đào tạo, SCC, nhu cầu đào tạo, học sinh THPT.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tai nạn thương tích gây ra khoảng 5 triệu ca tử vong mỗi năm, chiếm 9% tổng số tử vong toàn cầu (1,2). Trong đó, khoảng một triệu trẻ em mỗi năm gặp thương tích có thể phòng tránh được (3). WHO nhấn mạnh rằng, ngoài phòng ngừa,

sơ cấp cứu kịp thời đóng vai trò then chốt trong việc cứu sống và giảm thiểu hậu quả (1,2). Tại các nước phát triển, kỹ năng sinh tồn, bao gồm sơ cấp cứu, được dạy cho trẻ em từ sớm và lồng ghép vào chương trình kỹ năng sống ở trường trung học (4). Các nghiên cứu đã chỉ các yếu tố độ tuổi (5), giới tính (6), tiếp cận thông tin (7), ngành học (8) được đào tạo về sơ cấp cứu và



Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Phương Hoa
Email: hoaphuongg8@gmail.com

¹Trung tâm Nghiên cứu Sức khỏe cộng đồng và Phòng chống chấn thương, Hà Nội, Việt Nam

²Đại học Y tế Công cộng

³ *Agriculture, Food Systems and Bioeconomy Research Centre, Ryan Institute, University of Galway, University Road, Galway H91 REW4, Ireland*

Ngày nhận bài: 7/8/2025

Ngày phản biện: 17/11/2025

Ngày đăng bài: 30/12/2025

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0905SKPT25-091>

trình độ học vấn có liên quan đến kiến thức và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu.

Tại Việt Nam, tai nạn thương tích là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong và tàn tật ở nhóm tuổi thanh thiếu niên, chiếm khoảng 12–15% tổng số tử vong ở trẻ em và vị thành niên; trong đó, tai nạn giao thông, đuối nước và ngã là ba nguyên nhân phổ biến nhất. Mỗi năm, có trên 1,7 triệu ca chấn thương phải điều trị y tế, chủ yếu ở nhóm 15–24 tuổi (9). Đáng chú ý, tỷ lệ nạn nhân tai nạn giao thông được sơ cấp cứu tại hiện trường còn rất thấp (dưới 10%), trong đó một nửa số ca không được xử lý đúng cách (10). Một số nghiên cứu cho thấy học sinh trung học phổ thông có kiến thức đúng về sơ cấp cứu ban đầu còn hạn chế (11). Do đó, trang bị kiến thức và kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu cho học sinh cần được quan tâm. Tuy nhiên, kỹ năng này chưa được tích hợp đầy đủ vào chương trình giáo dục chính khóa mà chủ yếu lồng ghép trong các hoạt động ngoại khóa hoặc môn quốc phòng an ninh (12).

Bên cạnh đó, hiện chưa có nhiều nghiên cứu tập trung vào kiến thức và kỹ năng sơ cấp cứu của học sinh THPT. Vì vậy, chúng tôi thực hiện nghiên cứu tại Trường THPT Trung Văn (Hà Nội) nhằm xác định một số yếu tố liên quan kiến thức và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu của học sinh. Từ kết quả đó, chúng tôi đề xuất giải pháp tăng cường giáo dục kỹ năng sinh tồn trong nhà trường.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu cắt ngang.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại THPT Trung Văn, Hà Nội từ tháng 03/2024 đến tháng 03/2025. Thời gian tiến hành thu thập số liệu tháng 09/2024.

Đối tượng nghiên cứu: Là học sinh lớp 10, 11, 12 đang học trường THPT Trung Văn, phường Đại Mỗ, Hà Nội năm học 2024-2025. Học sinh được lựa chọn là học sinh có đủ sức khỏe thể chất và tâm thần để trả lời câu hỏi nghiên cứu. Nghiên cứu loại trừ những học sinh trong danh

sách nghiên cứu nhưng không có mặt tại trường tại thời điểm thu thập số liệu.

Cỡ mẫu, chọn mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ trong một quần thể:

$$n = Z^2_{(1-\alpha/2)} \frac{p(1-p)}{d^2} \times DE$$

Trong đó: Hệ số thiết kế (DE) = 1.8; $\alpha = 0,05$, $d = 0,05$ Sai số tuyệt đối cho phép giữa mẫu và quần thể; $p=0,254$: Tỷ lệ học sinh THPT có kiến thức đạt về sơ cấp cứu ban đầu theo nghiên cứu của Nguyễn Thúy Lan và cộng sự (2013) tại Yên Bái (11). Kết quả tính toán cỡ tối thiểu là 526 học sinh. Để dự phòng mất mẫu, cỡ mẫu của nghiên cứu được cộng thêm 5%. Sau khi tiến hành thu thập số liệu, cỡ mẫu cuối cùng phù hợp để đưa vào phân tích là 539 học sinh.

Phương pháp chọn mẫu: Nghiên cứu này thực hiện phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo nhiều giai đoạn, có yếu tố cụm theo lớp học, bằng cách: (i) Lập bảng danh sách toàn bộ học sinh trường THPT Trung Văn, cần đầy đủ các thông tin về tên, tuổi, giới tính, ngày/tháng/năm sinh, và đánh số thứ tự trên file excel; (ii) Chia danh sách thành 3 tầng tương ứng với các khối 10, 11 và 12; (iii) Trong mỗi tầng, tất cả các lớp được xem là các cụm và (iv) Do lượng học sinh tại các lớp là tương ứng nhau nên từ mỗi lớp (cụm), chọn ngẫu nhiên 15 học sinh bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên đơn, sử dụng bảng số ngẫu nhiên. Các học sinh được chọn sẽ tham gia trả lời bộ câu hỏi khảo sát được thiết kế sẵn.

Việc lựa chọn 15 học sinh/lớp nhằm đảm bảo độ bao phủ toàn trường, phân bố mẫu đồng đều giữa các lớp, đồng thời phù hợp với sĩ số trung bình của các lớp (khoảng 40–42 học sinh/lớp) và nguồn lực thực hiện nghiên cứu. Cách chọn này giúp bảo đảm tính đại diện tương đối cho từng khối học và tính khả thi trong quá trình thu thập số liệu.

Biến số nghiên cứu

Kiến thức: Bao gồm 17 câu hỏi liên quan đến nội dung sơ cấp cứu ban đầu được đề cập trong Quyết định số 966/QĐ-BGDĐT ngày 05/04/2023, phê

duyet tài liệu hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu cho các tai nạn thương tích thường gặp ở trẻ em và học sinh (12). *Các nội dung gồm:* (i) các hiểu biết về định nghĩa về sơ cấp cứu ban đầu, (ii) nguyên tắc sơ cấp cứu ban đầu, (iii) xử trí ban đầu khi bị ngất, (iv) xử lý ban đầu khi một người bị đuối nước, còn thở nhưng không có dấu hiệu phản ứng; biết về sơ cấp cứu hồi sinh tim phổi (CPR); (v) sơ cấp cứu thổi ngạt cho trẻ sơ sinh; (vi) sơ cấp cứu cố định gãy xương cẳng tay; (vii) tư thế khi bị chấn thương cột sống; (viii) xử trí khi bị bỏng ô tô xe máy; (ix) xử lý ban đầu khi vết thương chảy máu; (x) xử lý ban đầu khi bị bong gân; (xi) xử lý khi gặp người bị chó, (xii) mèo cắn khi không thấy có vết thương chảy máu; (xiii) xử lý khi gặp người bị chảy máu cam; (xiv) khi thấy người bị điện giật thì cần làm gì; (xv) xử lý ban đầu khi bị say nắng, say nóng; (xvi) cách thoát hiểm khi gặp hỏa hoạn; (xvii) xử lý ban đầu khi bị sét đánh.

Nhu cầu đào tạo: Bao gồm 5 câu hỏi về (i) tham gia buổi hướng dẫn về sơ cấp cứu trước đây; (ii) nơi được tham gia hướng dẫn về sơ cấp cứu; (iii) muốn tham gia lớp học về sơ cấp cứu; (iv) thông tin muốn tìm hiểu khi tham gia lớp học sơ cấp cứu; (v) phương pháp giảng dạy.

Tiêu chí đánh giá: Dựa trên cách tính điểm kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu của Rajalakshmi D. năm 2023 (3): (i) Điểm kiến thức: Mỗi câu trả lời đúng có trọng số là 1 điểm. Do đó tổng điểm kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu từ 0-17 điểm. Sử dụng điểm phân ngưỡng Blooms là 65% tổng số điểm, những người trả lời có điểm cao hơn hoặc bằng điểm cắt là những người có kiến thức đạt từ 11 điểm trở lên (3,13). Đánh giá nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu, những người trả lời “Muốn tham gia” là những người trong nhóm có nhu cầu được đào tạo sơ cấp cứu.

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn học sinh THPT, các bước tiến hành được thực hiện cụ thể như sau:

Bước 1: Nghiên cứu viên đã làm việc với Hiệu trưởng trường để thống nhất dung nghiên cứu, kế hoạch và thời gian thu thập dữ liệu Đồng

thời, phối hợp với giáo viên chủ nhiệm xin ý kiến đồng thuận từ phụ huynh và học sinh.

Bước 2: Tập huấn cho 4 điều tra viên (có chuyên môn y tế công cộng, kinh nghiệm phỏng vấn học sinh) về nội dung nghiên cứu, công cụ và kỹ thuật thu thập dữ liệu sau khi được Hội đồng Đạo đức thông qua.

Bước 3: Sau khi nhận được sự đồng ý về kế hoạch triển khai thu thập dữ liệu của Ban giám hiệu nhà trường, nghiên cứu viên tiến hành làm việc với cán bộ phụ trách Đoàn và trao đổi cách thức tiến hành chi tiết để thu thập thông tin. Nghiên cứu viên và điều tra viên được cán bộ đoàn đưa đi từng lớp để trao đổi với học sinh, hướng dẫn và giải thích rõ mục tiêu của nghiên cứu trước khi các em tham gia trả lời phiếu khảo sát.

Bước 4: Mời các em học sinh đến phòng riêng của trường (lần lượt từng lớp và từng học sinh) để tiến hành trả lời bảng hỏi đã được thiết kế sẵn. Các điều tra viên được giải thích rõ mục đích và nội dung của nghiên cứu trước khi tiến hành phỏng vấn và nhận được sự đồng ý tham gia của phụ huynh và các em học sinh. Điều tra viên đọc câu hỏi và ghi lại câu trả lời của học sinh, phỏng vấn trực tiếp.

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu sau khi thu thập được làm sạch và nhập vào máy tính bằng phần mềm Epidata 3.1. Sau đó số liệu được xuất ra và phân tích bằng phần mềm SPSS 22.0. Các kết quả thống kê mô tả được thể hiện qua tần số, tỷ lệ. Các kết quả thống kê phân tích đơn biến về sự khác biệt giữa hai tỷ lệ được thể hiện qua kiểm định χ^2 cho các biến phân loại. Mô hình hồi quy Logistic đa biến đã được sử dụng để tìm hiểu mối liên quan giữa các biến độc lập với các biến phụ thuộc (kiến thức và nhu cầu đào tạo). Các biến được đưa vào mô hình kiểm soát yếu tố nhiễu bao gồm: giới tính, chức vụ lớp, kết quả học tập, kinh tế hộ gia đình, người chung sống, nghe nói về sơ cấp cứu ban đầu, thái độ sơ cấp cứu ban đầu. Tỷ suất chênh (OR), khoảng tin cậy 95% và giá trị p đã được sử dụng để đánh giá ý nghĩa thống kê của mối liên hệ. Ngoài ra, kiểm định Hosmer và Lemeshow được áp dụng để đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy (mô hình phù hợp khi $p > 0,05$).

Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu tuân thủ các quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học và đã được Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y tế Công cộng phê duyệt (số quyết định: 358/2024/YTCC-HD3). Nghiên cứu được Hiệu trưởng Trường THPT Trung Văn (phường Đại Mỗ, Hà Nội) cho phép triển khai. Trước khi thu thập số liệu, giáo viên chủ nhiệm thông tin cho phụ huynh và học sinh về mục đích, nội dung và

quyền lợi của người tham gia. Nghiên cứu chỉ tiến hành sau khi nhận được sự đồng ý của phụ huynh và học sinh, có ký xác nhận vào phiếu chấp thuận tham gia nghiên cứu.

KẾT QUẢ

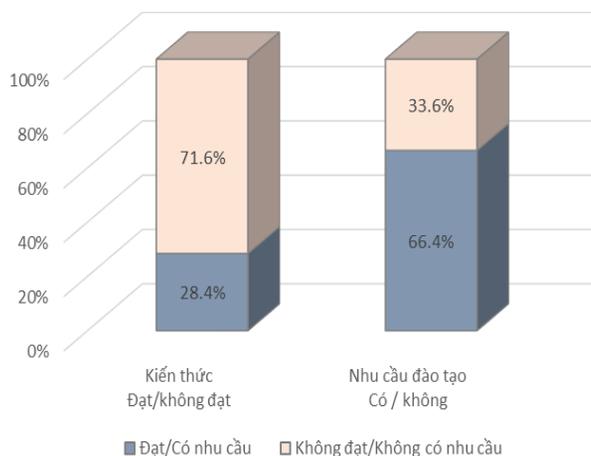
Đặc điểm chung của các đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Thông tin chung của học sinh THPT tham gia nghiên cứu (n=539)

	Đặc điểm	Số lượng (n)	Tỷ lệ (n)
Khối học	Khối 10	180	33,4
	Khối 11	182	33,8
	Khối 12	177	32,8
Giới tính	Nam	252	46,8
	Nữ	287	53,2
Dân tộc	Kinh	530	98,3
	Khác gồm: Cao Lan, Tày, Ê-đê, Mường	9	1,7
Chức vụ trong lớp	Cán bộ lớp	118	21,9
	Cán bộ đoàn	16	3,0
	Không giữ chức vụ gì	405	75,1
Kết quả học tập năm học vừa qua	Giỏi	407	75,4
	Khá	115	21,3
	Trung bình	11	2,0
Kinh tế hộ gia đình	Kém	6	1,1
	Nghèo	34	6,3
	Cận nghèo	24	4,5
	Trung bình	409	75,9
Tình trạng hôn nhân của bố mẹ	Khá	72	13,4
	Bố mẹ đang kết hôn và chung sống cùng nhau	427	87,6
	Bố mẹ đang kết hôn nhưng không chung sống cùng nhau	51	9,5
	Đã li hôn	10	1,9
Hiện tại đang sống chung	Khác	6	1,1
	Cả bố mẹ và ông bà	17	3,2
	Cả bố và mẹ	427	79,2
	Ông, bà	11	2,0
	Bố hoặc mẹ	74	13,7
Khác	10	1,9	

Trong tổng số 539 đối tượng nghiên cứu (ĐTNC), khối học 10, 11, 12 có tỷ lệ tương đồng nhau, nữ chiếm tỷ lệ 53,2% và nam 46,8%. Có 21,9% cán bộ lớp; 3,0% cán bộ đoàn và 75,1% không giữ chức vụ gì. Kết quả học tập năm học vừa qua, tỷ lệ học sinh giỏi chiếm tỷ lệ cao (75,4%); học sinh kém chiếm tỷ lệ thấp nhất (1,1%).

Kinh tế hộ gia đình nghèo, cận nghèo, trung bình và khá của ĐTNC chiếm tỷ lệ lần lượt là 6,3%; 4,5%; 75,9% và 13,4%. Về hôn nhân gia đình, đa số ĐTNC có bố mẹ đang kết hôn và chung sống cùng nhau chiếm 87,6%. Hiện tại ĐTNC đang sống chung cùng cả bố và mẹ là chủ yếu (chiếm 79,2%).



Biểu đồ 1. Kiến thức và nhu cầu đào tạo của học sinh về sơ cấp cứu ban đầu (n=539)

Tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt và có nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu lần lượt là 28,4% và 66,4%.

Một số yếu tố liên quan đến kiến thức và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của đối tượng nghiên cứu

Dưới đây mô tả các kết quả của mô hình hồi Logistic quy đa biến cuối cùng (với phương pháp Stepwise¹) xác định mối liên quan với kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu. Kiểm định Hosmer và Lemeshow của mô hình cuối cùng có giá trị $p > 0,05$ cho thấy sự phù hợp của mô hình.

Bảng 2. Mô hình hồi quy Logistic đa biến phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức sơ cấp cứu ban đầu của ĐTNC (n=539)

Các yếu tố		Coef (β)	Beta (SE)	OR _{thô}	OR _{HC} (95%CI)	P
Giới tính	Nam ^R	-	-	-	1	
	Nữ	-2,379	0,212	0,092	1,0 (0,7 – 1,6)	0,844
Chức vụ lớp	Không giữ chức vụ ^R	-	-	-	1	
	Có giữ chức vụ	-0,203	0,236	0,816	0,8 (0,5 – 1,3)	0,391
Kết quả học tập	Học sinh chưa giỏi ^R	-	-	-	1	
	Học sinh giỏi	0,179	0,245	1,196	1,2 (0,7 – 1,9)	0,463
Kinh tế hộ gia đình	Khá, nghèo, cận nghèo ^R	-	-	-	1	
	Trung bình	-0,318	0,236	0,728	0,7 (0,5 – 1,2)	0,178

Các yếu tố		Coef (β)	Beta (SE)	OR _{thô}	OR _{HC} (95%CI)	P
Người chung sống	Không sống cùng bố/mẹ ^R	-	-	-	1	
	Sống cùng bố mẹ	0,425	0,260	1,53	1,5 (0,9 – 2,5)	0,103
Nghe nói về sơ cấp cứu ban đầu	Chưa nghe ^R	-	-	-	1	
	Đã nghe	1,102	0,241	3,01	3,0 (1,9 – 4,8)	<0,001

Cỡ mẫu phân tích (n) = 539; ^R: nhóm so sánh, - : không áp dụng, phương pháp: STEPWISE
Kiểm định phù hợp của mô hình thống kê Hosmer and Lemeshow $\chi^2 = 45,113$; $df=5$, $p > 0,05$
Biến phụ thuộc: Phân loại kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu: 0 = Chưa đạt, 1 = Đạt

Sau khi hiệu chỉnh theo mô hình hồi quy logistic, kết quả cho thấy học sinh đã từng nghe nói về sơ cấp cứu có khả năng đạt kiến thức đúng cao hơn so với nhóm chưa từng nghe nói về sơ cấp cứu với OR = 3,0; KTC 95%: 1,9–4,8. Các yếu

tố khác như giới tính, chức vụ lớp, kết quả học tập, tình hình kinh tế hộ gia đình, người chung sống và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu không cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức sơ cấp cứu sau khi đã hiệu chỉnh.

Bảng 3. Mô hình hồi quy Logistic đa biến phân tích một số yếu tố liên quan đến nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu của ĐTNCC (n=539)

Các yếu tố		Coef (β)	Beta (SE)	OR _{thô}	OR _{HC} (95%CI)	P
Giới tính	Nam ^R	-	-	-	1	
	Nữ	0,936	0,199	2,55	2,6 (1,7 – 3,8)	< 0,001
Chức vụ lớp	Không giữ chức vụ ^R	-	-	-	1	
	Có giữ chức vụ	-0,23	0,232	0,79	1,0 (0,6 – 1,5)	0,919
Kết quả học tập	Học sinh chưa giỏi ^R	-	-	-	1	
	Học sinh giỏi	0,612	0,219	1,84	1,8 (1,2 – 2,8)	0,005
Kinh tế hộ gia đình	Khá, nghèo, cận nghèo ^R	-	-	-	1	
	Trung bình	0,207	0,226	1,23	1,2 (0,8 – 1,9)	0,359
Người chung sống	Không sống cùng bố/mẹ ^R	-	-	-	1	
	Sống cùng bố mẹ	-0,81	0,239	0,44	0,9 (0,6 – 1,5)	0,734
Nghe nói về sơ cấp cứu ban đầu	Chưa nghe ^R	-	-	-	1	
	Đã nghe	0,400	0,205	1,49	1,5 (0,9 – 2,2)	0,051
Kiến thức sơ cấp cứu ban đầu	Chưa đạt ^R	-	-	-	1	
	Đạt	0,238	0,230	1,27	1,27 (0,8 – 2,0)	0,300
Thái độ sơ cấp cứu ban đầu	Chưa tích cực ^R	-	-	-	1	
	Tích cực	0,741	0,210	2,10	2,1 (1,4 – 3,2)	< 0,001

Cỡ mẫu phân tích (n) = 539; ^R: nhóm so sánh, - : không áp dụng, phương pháp: STEPWISE
Kiểm định phù hợp của mô hình thống kê Hosmer and Lemeshow $\chi^2 = 58,392$; $df=8$, $p > 0,05$
Biến phụ thuộc: Phân loại nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu: 0 = Chưa có nhu cầu, 1 = Có nhu cầu

Sau khi hiệu chỉnh mô hình hồi quy logistic, các yếu tố giới tính, kết quả học tập và thái độ có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với nhu cầu được đào tạo sơ cấp cứu ban đầu của ĐTNC.

Cụ thể, học sinh nữ có khả năng có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu cao hơn so với học sinh nam với OR = 2,6; KTC 95%: 1,7–3,8. Học sinh có kết quả học tập giỏi có khả năng có nhu cầu cao hơn so với nhóm chưa giỏi với OR = 1,8; KTC 95%: 1,2–2,8. Tương tự, học sinh có thái độ tích cực đối với sơ cấp cứu có khả năng có nhu cầu đào tạo cao hơn so với nhóm thái độ chưa tích cực với OR = 2,1; KTC 95%: 1,4–3,2.

Các yếu tố khác như chức vụ lớp, kinh tế hộ gia đình, người chung sống và kiến thức sơ cấp cứu ban đầu không cho thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê với nhu cầu đào tạo sau khi đã hiệu chỉnh.

BÀN LUẬN

Kiến thức và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu ban đầu

Kết quả nghiên cứu này cho thấy, kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu của học sinh TPHT còn hạn chế, chỉ có 28,4% học sinh đạt kiến thức đúng. Tỷ lệ này thấp hơn đáng kể so với nghiên cứu của Oluwaseyitan Adesegun tại Nigeria (2019) là 68,4% (14); Vinay Kumar Guruswamy tại Ấn Độ (2022) là 70% (15) - đều thực hiện trên đối tượng là THPT. Sự khác biệt này do chương trình giáo dục kỹ năng ở các quốc gia trên được triển khai sớm và có tính hệ thống hơn, trong khi ở Việt Nam, nội dung sơ cấp cứu chưa được tích hợp vào chương trình dạy chính khóa, chủ yếu lồng ghép trong hoạt động ngoại khóa hoặc môn Quốc phòng – An ninh. Ngoài ra, thiếu cơ hội thực hành và truyền thông cộng đồng cũng có thể khiến học sinh Việt Nam khó tiếp cận và ghi nhớ kiến thức lâu dài.

So sánh với các nghiên cứu trên nhóm sinh viên, kết quả của Jin Xiao, Trung Quốc (2022) là 71% (16); Abera Lemma Adere, Ethiopia (2022) là 53,2% (17); Sarbaz. M. Abdalla, Ấn Độ (2021)

là 71,5% (18); Sze Nok Ng, Hồng Kông (2021) là 15,2% (19); Lubna M. Halawani, Ả Rập Xê Út (2017) là 34,7% (20). Nhìn chung, kiến thức về sơ cấp cứu của thanh thiếu niên và sinh viên trên thế giới còn chưa đồng đều, dao động thấp (15,2%) đến tương đối cao (70%). Điều này phản ánh sự khác biệt trong chính sách giáo dục, mức độ phổ biến cập nhật kỹ năng sống và khả năng tiếp cận nguồn thông tin giữa các quốc gia.

Về nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu, nghiên cứu ghi nhận 66,4% học sinh có nhu cầu muốn tham gia lớp học về sơ cấp cứu ban đầu, thấp hơn so với nghiên cứu của Hoàng Trung Tiến (2023) là 84,2% (21). Sự khác biệt có thể liên quan đến mức độ nhận thức, trải nghiệm thực tế và tần suất các tình huống khẩn cấp mà học sinh từng chứng kiến. Tuy nhiên, điểm chung giữa các nghiên cứu là học sinh đều nhận được tầm quan trọng của kỹ năng sơ cấp cứu, cho thấy cần thiết lồng ghép nội dung này vào chương trình giáo dục hoặc tổ chức các lớp kỹ năng thường xuyên cho học sinh THPT.

Yếu tố liên quan đến kiến thức và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu

Sau khi hiệu chỉnh mô hình hồi quy, các yếu tố giới tính, kết quả học tập, thái độ sơ cấp cứu ban đầu có mối liên quan với nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu của ĐTNC. Học sinh nữ có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu cao hơn so với học sinh nam (OR = 2,6; KTC 95% CI: 1,7 – 3,8), có thể do nữ giới thường có mức độ đồng cảm, tinh thần chăm sóc và quan tâm đến sức khỏe cộng đồng cao hơn, đồng thời thường tích cực hơn trong các hoạt động ngoại khóa. Học sinh giỏi có nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu cao hơn so với học sinh chưa giỏi (OR = 1,8; KTC 95%CI: 1,2 – 2,8) có thể do những học sinh có động cơ học tập tích cực thường có ý thức tốt hơn trong việc trang bị kỹ năng mới phục vụ bản thân và cộng đồng. Và người có thái độ tích cực về sơ cấp cứu ban đầu cao hơn so với người có thái độ chưa tích cực (OR = 2,1; KTC 95%CI: 1,4 – 3,2). Điều này cũng phù hợp với lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior), theo đó thái độ tích cực là yếu tố thúc đẩy ý định và hành vi thực tế.

Ngược lại, các yếu tố như: chức vụ lớp, kinh tế hộ gia đình, người chung sống, kiến thức sơ cấp cứu ban đầu cho thấy không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê đối với nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu. Mặc dù nghiên cứu của chúng tôi chưa tìm ra mối liên quan giữa kiến thức và nhu cầu đào tạo về sơ cấp cứu, nhưng kết quả này có sự khác biệt với nghiên cứu của Lubna M. Halawani và cộng sự (2017) tại Ả Rập Xê Út có chỉ ra kiến thức tốt có liên quan đến việc đào tạo sơ cứu (20). Điều này cũng gợi ý, cần có thêm nghiên cứu sâu hơn để tìm hiểu rõ hơn về mối liên quan này trong các bối cảnh khác nhau.

Nghiên cứu này gặp một số hạn chế. Thứ nhất, nghiên cứu chỉ được thực hiện tại một trường THPT duy nhất trên địa bàn Hà Nội, do đó kết quả có thể chưa phản ánh đầy đủ và khó khái quát cho toàn bộ học sinh THPT ở các khu vực khác. Thứ hai, số lượng tài liệu tham khảo trong nước về sơ cấp cứu ban đầu còn hạn chế, đặc biệt là các nghiên cứu thực hiện trên đối tượng học sinh THPT, nên việc so sánh và đối chiếu kết quả còn gặp khó khăn. Thứ ba, mặc dù các điều tra viên đều có chuyên môn về y tế công cộng và được tập huấn kỹ về nội dung nghiên cứu, song vẫn có thể tồn tại sai sót trong quá trình thu thập thông tin do mức độ hiểu biết của điều tra viên về kỹ năng sơ cấp cứu thực hành chưa sâu. Thứ tư, sai sót nhớ lại có thể xảy ra khi học sinh được hỏi về các trải nghiệm trong quá khứ, mặc dù nhóm nghiên cứu đã thiết kế các câu hỏi hỗ trợ nhằm hạn chế sai sót này. Thứ năm, sai sót nhập liệu có thể phát sinh trong quá trình xử lý số liệu, tuy nhiên đã được kiểm soát thông qua phần mềm Epidata và đối chiếu kiểm tra ngẫu nhiên. Cuối cùng, nghiên cứu chưa đánh giá được kỹ năng thực hành sơ cấp cứu, mà mới chỉ dừng lại ở việc khảo sát kiến thức, thái độ và nhu cầu đào tạo, do giới hạn về thời gian và nguồn lực.

KẾT LUẬN

Kiến thức về sơ cấp cứu ban đầu của học sinh THPT còn hạn chế, chỉ có 28,4% học sinh đạt mức kiến thức đạt yêu cầu. Tuy nhiên, nhu cầu

đào tạo về sơ cấp cứu của học sinh ở mức khá cao với 66,4% học sinh mong muốn tham gia các lớp tập huấn. Các yếu tố liên quan đến kiến thức và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ở học sinh bao gồm tiếp cận thông tin, giới tính, học lực và thái độ.

Khuyến nghị: Các cơ sở giáo dục THPT cần triển khai các buổi đào tạo sơ cấp cứu ban đầu phù hợp với đặc điểm học sinh, ưu tiên tiếp cận nhóm học sinh nam, học sinh học lực trung bình và nhóm học sinh có thái độ chưa tích cực. Tăng cường truyền thông và cung cấp thông tin về sơ cấp cứu trong trường học nhằm cải thiện mức độ tiếp cận thông tin cho học sinh. Các nghiên cứu tiếp theo nên đánh giá kỹ năng thực hành sơ cấp cứu của học sinh để có cái nhìn toàn diện hơn về năng lực sơ cấp cứu và mở rộng khảo sát tại các trường ở khu vực nông thôn, miền núi nhằm so sánh giữa các vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế (2005). Tài liệu hướng dẫn thực hành cấp cứu tai nạn thương tích ngoài bệnh viện - Cấp cứu - Công thông tin Bộ Y tế; [cập nhật 22/10/2025]. Available at: https://moh.gov.vn/web/phong-chong-tai-nan-thuong-tich/cap-cuu/-/asset_publisher/MZhfNIotpCxK/content/tai-lieu-huong-dan-thuc-hanh-cap-cuu-tai-nan-thuong-tich-ngoai-benh-vien?inheritRedirect=false
2. World Health (2023). New publications show injuries kill more than five million people a year; [cited 2025 Oct 22]. Available at: <https://www.who.int/news/item/12-05-2003-new-publications-show-injuries-kill-more-than-five-million-people-a-year>
3. Rajalakshmi D. S. U. Kumaran M, Bama S. (2023). A Cross Sectional Study to Assess the First-Aid Knowledge Among High School Students. *International Journal of Research Publication and Reviews*. Vol 4, 3533 tr.
4. American Red Cross (2021). High School Students Can Save Lives, Too; [cited 2021 Aug 19]. Available at: <https://www.redcross.org/about-us/news-and-events/press-release/2021/high-school-students-can-save-lives-too.html>
5. Arasu S., Mathew S., Ramesh N., Fathima F., et al. (2020). Safety First: Awareness and attitude regarding first aid among college students – A

- Cross-sectional study in Urban Bangalore. *Int J Health Allied Sci*;9:25.
6. Adesegun O., Alafin B., Da'Costa A., et al. (2019). Poor Practice of First-Aid among Secondary School Students: A Pointer To Poor Emergency Preparedness and Services in Nigeria. *World J Med Sci*;16:107–15.
 7. Workneh B. S., Mekonen E. G., Ali M. S. (2021). Determinants of knowledge, attitude, and practice towards first aid among kindergarten and elementary school teachers in Gondar city, Northwest Ethiopia. *BMC Emerg Med*;21(1):73.
 8. Ng S., Tang L., Leung C., et al. (2021). Knowledge and training preference of standard first aid among undergraduates in Hong Kong: A cross-sectional survey. *Hong Kong J Emerg Med*;30:102490792110501.
 9. Bộ Y tế (2022). Báo cáo công tác phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước trẻ em năm 2022. Hà Nội: Cục Quản lý Môi trường Y tế.
 10. Tran TT, Sleigh A, Banwell C. Pathways to care: a case study of traffic injury in Vietnam. *BMC public health*. 2021 Mar 16;21(1):515.
 11. Nguyễn Thúy Lan, Phạm Thị Thu Lệ (2013), Nghiên cứu thực trạng và kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống tai nạn thương tích ở học sinh trung học phổ thông huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái. Tạp chí Y học dự phòng, 23(10), 146
 12. Bộ Giáo dục và đào tạo (2023). Quyết định 966/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 05/04/2023 về Phê duyệt tài liệu hướng dẫn sơ cấp cứu ban đầu tại nạn thương tích thường gặp ở trẻ em.
 13. Bloom B. S. (1968). Learning for Mastery. Instruction and Curriculum. Regional Education Laboratory for the Carolinas and Virginia, Topical Papers and Reprints. Evaluation Comment. Regional Education Laboratory for the Carolinas and Virginia, Mutual Plaza. *Chapel Hill and Duke Srs*; Number 1. Vol 1.
 14. Adesegun O., Alafin B., Da'Costa A., et al. (2019). Poor Practice of First-Aid among Secondary School Students: A Pointer To Poor Emergency Preparedness and Services in Nigeria. *World J Med Sci*;16:107–15.
 15. Guruswamy V., Hs S.(2022). Assessment of High School students' First-Aid Knowledge, Attitudes, and Practice in Selected Schools in the Chamarajanagar District. *Nurs Health Sci*;8:1–7.
 16. Sheng J., Tang C., Hao Z. (2022). The Status of First Aid Skills Mastery and Training Preferences of College Students: A Cross-Sectional Survey. *Int J Health Sci Res*;12:61-7.
 17. Adere A., Seid H., Workneh B., et al. (2022). Determinants of knowledge and attitude toward first aid among final year students at technical and vocational schools in Addis Ababa, Ethiopia. *SAGE Open Med*;10.
 18. Abdalla S., Ibrahim H., Mohammad M. (2021). Assessment of theoretical and practical first aid knowledge among senior students in medical colleges in the governmental universities in sulaimani city. *J Sulaimani Med Coll*;11:239–51.
 19. Ng S., Tang L., Leung C., et al. (2021). Knowledge and training preference of standard first aid among undergraduates in Hong Kong: A cross-sectional survey. *Hong Kong J Emerg Med*;30:102490792110501.
 20. Halawani L., Alghamdy S., Alwazae M., et al. (2019). Knowledge and attitude of Saudi female university students about first aid skills. *J Fam Community Med*: 26:103–7.
 21. Hoàng Tiến Trung, Nguyễn Thị Hồng Hạnh. (2023). Kiến thức và nhu cầu đào tạo sơ cấp cứu ban đầu của sinh viên năm nhất trường Đại học Yersin Đà Lạt năm 2023. *Tạp chí học tham họa và bóng*; (3):45–53.

Some factors related to Knowledge and Training needs on basic first aid among students at Trung Van High school, Dai Mo Ward, Ha Noi in 2024

Nguyễn Thị Phương Hoa¹, Tô Thị Lien¹, Phạm Việt Cường², Hoàng Thế Kỳ³

¹ Center for Community Health and Injury Prevention, Ha Noi

² Hanoi University of Public Health

³ Agriculture, Food Systems and Bioeconomy Research Centre, Ryan Institute, University of Galway, University Road, Galway H91 REW4, Ireland

ABSTRACT

Objective: Identify factors associated with knowledge and training needs regarding basic first aid among high school students. **Methods:** A cross-sectional study was conducted on 539 high school students at Trung Van High School, Dai Mo Ward, Hanoi. **Results:** The proportion of students with adequate overall knowledge about basic first aid was 28.4%, while 66.4% expressed a desire to attend basic first aid training classes. After adjusting the multivariable logistic regression model, the results showed that students who had heard about first aid were three times more likely to have adequate knowledge compared to those who had not (OR = 3.0; 95% CI: 1.9–4.8). Female students were 2.6 times more likely to express a need for first aid training compared to male students (OR = 2.6; 95% CI: 1.7–3.8). High-performing students were 1.8 times more likely to desire first aid training than those with lower academic performance (OR = 1.8; 95% CI: 1.2–2.8). Similarly, students with a positive attitude were 2.1 times more likely to express a need for training compared to those with less positive attitudes (OR = 2.1; 95% CI: 1.4–3.2).

Conclusion: High school students' knowledge of basic first aid remains limited (28.4%). However, their need for first aid training is relatively high (66.4%). Factors associated with knowledge and training needs indicate that students who had heard about first aid were more likely to have adequate knowledge; female students, high-performing students, and those with positive attitudes all showed greater interest in participating in training. These findings reflect a gap in knowledge but also highlight significant potential and interest among high school students in this field. **Recommendation:** Basic first aid training sessions should focus on hands-on practice and scenario-based simulations, targeting male students, those with average academic performance, and those with less positive attitudes. Key content should include first aid principles, bandaging and bleeding control, management of fractures, choking and airway obstruction, and basic CPR. Additionally, schools should strengthen communication efforts to improve students' access to information. Future studies should expand the assessment of first aid skills among students in rural and mountainous areas.

Keywords: *basic first aid, knowledge, attitudes and training needs, first aid training demand, high school students.*